LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: 07 - Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 07 tháng 10 năm 2018)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								1/10/2018		2/10/2018		3/10/2018		4/10/2018		5/10/2018		6/10/2018		7/10/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
1	ĐH	K12	2303101.1	201812303101001	1	20	TH.CG1			1	T4											Lê Đăng Hà
2	ĐH	K12	2303101.2	201812303101002	1	20	TH.CG1							2	T4							Lê Đăng Hà
3	ĐH	K12	2303101.3	201812303101003	1	20	TH.CG1											2	P2			Hoàng Vân Nam
4	ĐH	K12	2303101.4	201812303101004	1	20	TH.CG1			2	T4											Lê Đăng Hà
5	ĐH	K12	2303101.5	201812303101005	1	20	TH.CG1							1	T4							Lê Đăng Hà
6	ĐH	K12	2303101.6	201812303101006	1	20	TH.CG1													1	P1	Trần Ngọc Hiên
7	ĐH	K12	2303101.7	201812303101007	1	20	TH.CG1	2	P2													Hoàng Vân Nam
8	ĐH	K12	2303101.8	201812303101008	1	20	TH.CG1					1	P2									Hoàng Vân Nam
9	ĐH	K12	2303101.9	201812303101009	1	20	TH.CG1									2	P2					Hoàng Vân Nam
10	ĐH	K12	2303101.10	201812303101010	1	20	TH.CG1	1	P3													Đỗ Hồng Việt
11	ĐH	K12	2303101.1	201812303101011	1	20	TH.CG1					2	P2									Hoàng Vân Nam
12	ĐH	K10	010343.1	20181010343001	1	14	TH.CNC					1	CNC									Lê Quang Lâm
13	ĐH	K10	010343.1	20181010343001	2	14	TH.CNC					1	X									Đặng Xuân Thao
14	ĐH	K10	2303105.1	201812303105001	1	20	TH.CNC	2	X													Đặng Xuân Thao
15	ĐH	K10	2303105.2	201812303105002	1	20	TH.CNC	1	X													Đặng Xuân Thao
16	ĐH	K10	2303105.3	201812303105003	1	20	TH.CNC											1	X			Đặng Xuân Thao
17	ĐH	K10	2303105.4	201812303105004	1	20	TH.CNC											2	X			Đặng Xuân Thao
18	ĐH	K10	2303105.5	201812303105005	1	20	TH.CNC					2	X									Đặng Xuân Thao
19	ĐH	K10	2303105.6	201812303105006	1	20	TH.CNC					1	CNC									Cao Thế Anh
20	ĐH	K10	2303105.7	201812303105007	1	20	TH.CNC			1	X											Đặng Xuân Thao
21	ĐH	K10	2303105.8	201812303105008	1	20	TH.CNC			2	X											Đặng Xuân Thao
22	ĐH	K10	2303105.9	201812303105009	1	20	TH.CNC									2	X					Đặng Xuân Thao
23	ĐH	K10	2303105.10	201812303105010	1	20	TH.CNC									1	X					Đặng Xuân Thao
24	ĐH	K10	2303105.11	201812303105011	1	20	TH.CNC							1	X							Đặng Xuân Thao
25	ĐH	K10	2303105.12	201812303105012	1	20	TH.CNC							2	X							Đặng Xuân Thao

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								1/10/2018		2/10/2018		3/10/2018		4/10/2018		5/10/2018		6/10/2018		7/10/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
26	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	1	17	TH.CNC	2	CNC													Lê Quang Lâm
27	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	2	17	TH.CNC	3	X													Đặng Xuân Thao
28	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	3	17	TH.CNC													2	X	Đặng Xuân Thao
29	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	1	17	TH.CNC													1	X	Đặng Xuân Thao
30	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	2	17	TH.CNC							3	CNC							Lê Quang Lâm
31	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	3	16	TH.CNC							1	CNC							Lê Quang Lâm
32	CĐ-ĐH	K12	2303102.1	201812303102001	1	14	TH.CG2													2-3	T2	Vũ Văn Khiêm
33	CĐ-ĐH	K12	2303102.1	201812303102001	2	14	TH.CG2													1-2	P3	Đỗ Hồng Việt
34	CĐN-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038001	1	15	TH.X-CG											3	X			Đặng Xuân Thao
35	CĐN-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038001	2	15	TH.X-CG													3	X	Đặng Xuân Thao
36	CĐ-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038003	1	15	TH.X-CG									3	XUNG	3	XUNG			Chu Anh Tuấn
37	CĐ-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038003	2	15	TH.X-CG									3	XUNG	3	XUNG			Vũ Đình Toàn
38	CĐ-ĐH	K12	ME6037	20181ME6037001	1	15	TH.CNC									3	CNC	3	CNC			Cao Thế Anh
39	CĐ-ĐH	K12	ME6037	20181ME6037001	2	15	TH.CNC									3	CNC	3	CNC			Lê Quang Lâm
40	CĐ	K18	2304105	##############	1	13	TH.CNC			2	CNC											Lê Quang Lâm
41	CĐ	K18	2304105	##############	2	14	TH.CNC			2	CNC									1-2	CNC	Cao Thế Anh
42	CĐ	K18	2304105	##############	1	13	TH.CNC			3	CNC											Cao Thế Anh
43	CĐ	K18	2304105	##############	2	14	TH.CNC					2	CNC	2	CNC							Lê Quang Lâm
44	CĐ	K18	2304105	##############	1	13	TH.CNC									2	CNC					Hoàng Xuân Thịnh
45	CĐ	K18	2304105	##############	2	13	TH.CNC									2	CNC					Lê Quang Lâm
46	CĐ-ĐH	K12	ME6037	20181ME6037002	1	26	TH.CNC							3	CNC					3	CNC	Cao Thế Anh
47	CĐ	K18	CĐT1	201812304101001	1	8	TH.CG1	2	P1													Trần Ngọc Hiên
48	LETCO	K21	CGKL3		1	17	THCG	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3			Trần Trung Hiếu
49	LETCO	K21	CGKL3		2	17	THCG	1	P1	1	P1	1	P1	1	P1	1	P1	1	P1			Trần Ngọc Hiên
50	LETCO	K22	CGKL1		1	16	THCG	2	T2	2	T2	2	T2	2	T2	2	T2	2	T2			Vũ Văn Khiêm
51	LETCO	K22	CGKL1		2	16	THCG	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3			Trần Ngọc Tân
52	LETCO	K21	CGKL1		1	15	THCG	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2			Vũ Văn Khiêm
53	LETCO	K21	CGKL1		2	15	THCG	1	T3	1	T3	1	T3	1	T3	1	T3	1	T3			Trần Ngọc Tân
54	LETCO	K21	CGKL2		1	15	THCG		P1	2	P1	2	P1	2	P1	2	P1	2	P1			Trần Ngọc Hiên
55	LETCO	K21	CGKL2		2	15	THCG	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3			Trần Trung Hiếu
56	ĐH	10	CK3	10.7.2503101.04	2	25	Thực hành hàn 2503102							2	H3	2	H3					Đ.Q.Hưng
57	ĐH	10	CK4	10.7.2503101.06	2	23	Thực hành hàn 2503102									1	H2					Đ.T. PHúc

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								1/10/2018		2/10/2018		3/10/2018		4/10/2018		5/10/2018		6/10/2018		7/10/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
58	ĐH	10	CK4	10.7.2503101.07	1	25	Thực hành hàn 2503101									2	H1					N.T.Giang
59	ĐH	10	CK7	10.7.2503101.14	1	25	Thực hành hàn 2503101	1	H2													Đ.T. PHúc
60	ĐH	12	CK1	20181MC6003002	1	15	Thực hành hàn MC6003													1,2	H1	N.T.Giang
61	CĐ	18	CĐ1	18.52504101.01	1	27	Thực hành hàn 2504101	2	H2	2	H2					1,2	H2					Đ.T. Hiếu
62				18.52504101.02	2	27				1	H3	2	H3									Đ.Q.Hưng
63	CĐ	18	CĐ2	18.52504101.05	1	27	Thực hành hàn 2504101							2	H2			1,2	H2	2	H2	Đ.T. Hiếu
64	CĐ	18	CĐ3	18.52504101.07	1	25	Thực hành hàn 2504101			2	H3											Đ.Q.Hưng
65	CĐ	20	Ôtô 1		1	21	TH Nguội Gò Hàn MC5013	2	H1	1	H1	1	H1	1,2	H1	1	H1					N.T.Giang
66					2	21		2	H2	1	H2	1	H2	1	H2	2	H2	1	H2			Đ.T. PHúc
67					3	21		1	H2	1	H2	1,2	H2	1	H2	3	H2					Đ.T. Hiếu
68					4	21		1,2	H3			1	H3	1	H3	1	H3	1	H3			Đ.Q.Hưng
69	ĐH	10	CĐT4	2303104.12	1	25	TH nguội									1	SC1					V.Đ.Cứu
70	ĐH	10	CĐT4	2303104.10	1	25	TH nguội							3	CD							Đ.X.Thao
71	ĐH	10	CĐT3	2303104.7	1	25	TH nguội							1	SC1			2	SC1			V.Đ.Cứu
72	ĐH	10	CĐT1	2303104.1	1	25	TH nguội			1	SC2	3	SC2	3	SC2	3	SC2					B.S.Hải
73	CĐ	20	Ô2		1	21	TH nguội	1	SC1	1	SC1	1	SC1	2	SC1	2	SC1	1	SC1			V.Đ.Cứu
74					2	21	TH nguội	2	SC1	2	SC1	2	SC1	2	SC3	2	SC3	1	SC1			N.T.Cần
75					3	21	TH nguội	1	SC2	2	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2			B.S.Hải
76					4	21	TH nguội	1	SC3	1	SC3	1	SC3	3	SC3	1	SC3	3	SC3			C.A.Tuấn
77	CĐ	18	CĐ1		1	27	THSC	3	SC1					3	SC1			3	SC1			V.Đ.Cứu